

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/DS-ST

Ngày 27 - 9- 2022

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và tranh chấp hợp đồng cầm cố đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội Thẩm nhân dân:

Ông Tạ Dương Thắng

Ông Trương Thoại Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Tú Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 26 và ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2022/TLST-DS, ngày 06 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng cầm cố đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2022/QĐXXST-DS ngày 25 ngày 8 tháng 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Thúy V (tên gọi khác: Th), sinh năm 19xx

Địa chỉ: ấp ĐT, xã HĐK, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Đỗ Thị Thúy V: Ông Võ Minh Th, sinh năm 19xx (có mặt)

Địa chỉ: Số A1 đường ĐTĐ, Khóm A5, Phường A3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Theo Giấy ủy quyền ngày 29/4/2022)

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị B (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp ĐT, xã HĐK, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 5 năm 2022 của nguyên đơn là bà Đỗ Thị Thúy V và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa,

người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Võ Minh Th đều trình bày:

Vào ngày 14 tháng 8 năm 2019, bị đơn là bà Đỗ Thị B có hỏi mượn nguyên đơn là bà Đỗ Thị Thúy V số tiền vốn là 25.000.000 đồng với lãi suất thoả thuận bằng miệng là 1,66%/tháng và hàng tháng bà B sẽ trả cho bà V là 2.000.000 đồng tiền nợ gốc, do quen biết nên bà V đồng ý cho mượn, lúc mượn số tiền trên bà B có làm giấy nhận nợ viết tay, khi đến hạn thanh toán tiền lãi và nợ gốc hàng tháng theo như thoả thuận thì bà B không chịu thanh toán tiền lãi và tiền nợ gốc cho nguyên đơn.

Ngoài ra, cùng ngày 14 tháng 8 năm 2019 bà B có mượn lại giấy tờ cổ đất mà bà B đã cố đất cho bà V trước đó và hẹn chiều cùng ngày 14 tháng 8 năm 2019 sẽ đem số tiền cổ đất còn nợ lại là 21.300.000 đồng để trả cho bà V, việc này bà B có làm giấy biên nhận viết tay. Sau khi giao giấy tờ cầm cố đất cho bà B xong thì chiều cùng ngày 14 tháng 8 năm 2019 bà B không đem số tiền cổ đất còn nợ lại là 21.300.000 đồng để trả cho bà V và cũng không giao trả lại giấy tờ cổ đất (phần đất cầm cố vẫn do bà B canh tác từ xưa cho đến nay). Bà V nhiều lần liên hệ gặp trực tiếp với bà B để đòi lại số tiền nợ gốc, lãi và tiền cổ đất còn nợ lại nhưng bà B cứ hẹn.

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn V yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Đỗ Thị B phải có trách nhiệm trả nợ cho bà V tổng số tiền là 59.413.994 đồng. Trong đó: Tiền cổ đất còn thiếu lại là 21.300.000 đồng và tiền vay tổng cộng là 38.113.994 đồng (trong đó tiền vốn 25.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 14 tháng 9 năm 2019 đến ngày 02 tháng 5 năm 2022 là 02 năm 07 tháng 18 ngày x 1,66%/tháng x 25.000.000 đồng = 13.113.994 đồng) và đồng thời yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng đối với tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng tính từ ngày khởi kiện đến nay xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Võ Minh Th trình bày, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là nguyên đơn không yêu cầu bị đơn B phải trả tiền lãi có tổng tiền lãi là 13.113.994 đồng như yêu cầu khởi kiện trước đây và tiền lãi phát sinh. Tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn B phải trả tiền cổ đất còn nợ lại là 21.300.000 đồng và tiền vốn vay là 25.000.000 đồng.

Các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: Bản chính các Tờ giấy ca rô học sinh có người mượn tiền là Đỗ Thị B lập ngày 14 tháng 8 năm 2019 (âm lịch) và Tờ giấy ca rô đề ngày 14 tháng 8 năm 2019 có tên và chữ ký là Đỗ Thị B;

* Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu của nguyên đơn là Đỗ Thị Thúy V tại Thông báo thụ lý vụ án số: 47/TB-TLVA, ngày 06 tháng 6 năm 2022 và đã tổng đạt hợp lệ cho bà Đỗ Thị B, cũng như đã triệu tập hợp lệ bà B đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần và Tòa án đã Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ cho bà. Nhưng bà B không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn V và cũng không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bà B cũng đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 02 tháng 5 năm 2022, nguyên đơn là bà Đỗ Thị Thúy V yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng cầm cố đất giữa nguyên đơn V và bị đơn Đỗ Thị B yêu cầu bị đơn phải trả số tiền đã mượn là 25.000.000 đồng và tiền cố đất còn nợ lại là 21.300.000 đồng, tổng cộng là 46.300.000 đồng, không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi và bị đơn có địa chỉ thường trú tại ấp DT, xã HĐK, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng cầm cố đất” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự tham gia phiên tòa của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn Đỗ Thị B vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Võ Minh Th yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 và Khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bị đơn B.

[3] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Võ Minh Th xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn B phải trả tiền vốn vay, tiền lãi của số tiền vốn vay và tiền cầm cố đất còn nợ lại với số tiền tổng cộng là 59.413.994 đồng. Nay nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bị đơn B phải trả tiền vốn vay là 25.000.000 đồng và tiền cố đất còn nợ lại là 21.300.000 đồng, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện, căn cứ vào Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

* Về nội dung vụ án:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Đỗ Thị Thúy V yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng giải quyết buộc bị đơn Đỗ Thị B phải trả cho nguyên đơn số tiền vốn đã vay còn nợ lại là 25.000.000 đồng và tiền cầm cố đất còn nợ lại là 21.300.000 đồng và không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi theo bản chính các Tờ giấy ca rô học sinh có người mượn tiền là Đỗ Thị B lập ngày 14 tháng 8 năm 2019 (âm lịch) và Tờ giấy ca rô học sinh đề ngày 14 tháng 8 năm 2019 có tên và chữ ký là Đỗ Thị B là tình tiết, sự kiện do nguyên đơn V cung cấp; sự không phản đối của bị đơn Đỗ Thị B. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Như vậy, việc bà B đã mượn tiền và nợ lại tiền cầm cố đất của nguyên đơn V với số tiền tổng cộng là 46.300.000 đồng (trong đó tiền vốn vay là 25.000.000 đồng và tiền cầm cố đất còn nợ lại là 21.300.000 đồng) là có thật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đỗ Thị Thúy V thì thấy rằng: Việc mượn tiền và việc cầm cố đất giữa các bên có xảy ra trên thực tế, thể hiện tại tờ giấy xác nhận ngày 14 tháng 8 năm 2019 (âm lịch) có ghi: “*Hôm nay ngày 14/8/2019 bà Đỗ Thị B có mượn của tôi Đỗ Thị Thúy V số tiền là 25.000.000 đồng, hứa trả hàng tháng hai triệu bắt đầu trả từ ngày 14 tháng 9 trả một tháng hai triệu trả dần chừng nào đủ thì thôi, người mượn tiền B có tên và chữ ký của bà Đỗ Thị B*” và tại tờ Giấy đề ngày 14 tháng 8 năm 2019 (âm lịch) có nội dung: “*Còn phần bà Đỗ Thị B mượn giấy có đất hứa chiều đem lại trả 21.300.000 đồng bà B thiếu Đỗ Thị Thúy V 21.300.000 đồng và có chữ ký của bà B*”, nội dung của hai tờ giấy nêu trên đều thể hiện bà B thừa nhận còn nợ tiền vốn vay và nợ tiền cầm cố đất chưa trả là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do bị đơn B không thực hiện việc trả tiền cho nguyên đơn theo đúng thỏa thuận là vi phạm điều kiện thanh toán được quy định tại Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đã quy định bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn. Tuy nhiên, từ khi viết giấy thừa nhận nợ đến nay, bị đơn B không thực hiện nghĩa vụ trả tiền đúng như Giấy cam kết trả nợ mà bị đơn đã viết và đưa bản chính giấy hẹn trả nợ tiền vốn vay và tiền cầm cố đất còn nợ lại cho nguyên đơn do bị đơn không thực hiện đúng thỏa thuận nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đỗ Thị Thúy V, buộc bị đơn Đỗ Thị B phải trả cho nguyên đơn V số tiền đã mượn là 25.000.000 đồng và tiền cầm cố đất còn nợ lại là 21.300.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Như đã phân tích ở trên đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đỗ Thị Thúy V.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Đỗ Thị Thúy V không phải chịu; bà Đỗ Thị B phải chịu 2.315.000 đồng theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, Điều 147, Khoản 1 Điều 244, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 3 Điều 235, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 278, Khoản 2 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 163, Điều 166, Khoản 1 Điều 466 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Đỗ Thị Thúy V.

1.1. Buộc bị đơn là Đỗ Thị B có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là bà Đỗ Thị Thúy V số tiền vốn gốc là 25.000.000 đồng và tiền cầm cố đất còn nợ lại là 21.300.000 đồng. Tổng cộng là 46.300.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu, ba trăm ngàn đồng).

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Đỗ Thị B phải chịu là 2.315.000 đồng. Nguyên đơn V không phải chịu; trả lại cho bà V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.485.350 đồng theo biên lai số 0003141 ngày 20/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho bị đơn.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Huệ